

Bản án số: 100/2024/DS-ST.
Ngày: 23/8/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Thái.

2. Bà Lê Thị Vân Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tững - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:** Bà Trần Phương Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Hộ kinh doanh **D**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Văn H**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Tổ A, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (có mặt).

- **Bị đơn:** 1/ Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm 1982; Địa chỉ: **khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (vắng mặt).

2/ Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà L: Ông **Trần Minh H1** - Cộng tác viên của **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K** (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông **Đỗ Minh P**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Tổ A, khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (vắng mặt).

2. Ông **Nguyễn Thanh Đ**, sinh năm 19...; Địa chỉ: **ấp H, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết ông **Đoàn Văn H** trình bày:

Năm 2022 thông qua sự giới thiệu anh **Đỗ Minh P** ông **H** được biết ông **Lê Hoàng A**, anh **P** có dẫn ông **Hoàng A** đến Hộ Kinh Doanh **Định H2** (do ông **H** làm chủ) để mua thiếu phân bón, do anh **P** là chỗ quen biết nên ông **H** đồng ý bán vật tư nông nghiệp thiếu cho ông **Lê Hoàng A** đến mùa sẽ trả; Ông bán thiếu cho ông **Hoàng A** vào Vụ Hè - Thu năm 2022, số phân bón, thuốc trừ sâu được giao tầm 05 - 06 lần (trong đó có 01 lần giao thuốc tại nhà **Hoàng A** và được bà **L** là người nhận thuốc) với tổng số tiền 78.058.000 đồng (Bảy mươi tám triệu không trăm năm mươi tám ngàn đồng). Tuy nhiên, sau khi thu hoạch lúa không thấy ông **Hoàng A** đến trả tiền nên ông gọi điện thoại cho ông **Hoàng A** yêu cầu ông **Hoàng A** trả tiền vật tư nông nghiệp cho ông với số tiền 78.058.000 đồng thì **Hoàng A** cứ hứa hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không chịu trả tiền cho ông. Đến ngày 05/10/2022 với sự chứng kiến của anh **Đỗ Minh P** và ông **Nguyễn Thanh Đ** thì ông **Hoàng A** đồng ý viết biên nhận nợ, với số tiền 78.058.000 đồng và hứa đến ngày 30/10/2022 sẽ trả hết số tiền nợ nêu trên.

Khi đến hạn, ông **Hoàng A** không trả tiền cho ông mà tiếp tục hứa hẹn khi nào bán đất sẽ trả cho ông hết số tiền trên, gây khó khăn cho ông, ông **Hoàng A** cố tình né tránh lánh mặt ông nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông.

Vì vậy, ông **H** làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **Hoàng A** và bà **Hoàng Thị L** phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc 78.058.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 5/10/2022 theo theo lãi suất quy định pháp luật cho đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa, ông **H** xin rút yêu cầu tính lãi và yêu cầu bà **Hoàng Thị L** cùng

chịu trách nhiệm trả nợ cho ông.

*** Bị đơn bà Hoàng Thị L trình bày:**

Việc mua bán giữa ông Lê Hoàng A với H3 Kinh Doanh Định H2 như thế nào thì bà không biết và bà cũng không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của H3 Kinh Doanh Định H2 vì trước đây vào khoảng năm 2020 bà bị bệnh tai biến, không làm gì được còn ông Hoàng A thì chơi bời, lêu lổng không lo cho vợ con. Vì vậy mà bà và ông Hoàng A không làm ăn chung cũng như không sử dụng tiền chung, đến năm 2023 thì bà và ông Hoàng A ly hôn và có quyết định ly hôn vào ngày 29/9/2023. Còn việc ông H cho rằng khi người của ông H đến giao thuốc trừ sâu thì bà có nhận nên bà chịu trách nhiệm trả nợ với ông Hoàng A là không đúng; bà không nhớ ngày tháng năm cụ thể nhưng bà nhớ có 01 lần có người đến gọi thùng thuốc trừ sâu cho ông Hoàng A; bà từ chối nhận nhưng người này nói rằng là gọi cho ông Hoàng A chỉ cần nhận dùm thôi nên bà đồng ý nhận và ngày hôm sau ông Hoàng A tự mang đi. Vì vậy, việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa H4 với ông Lê Hoàng A không liên quan đến bà nên bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Hộ Kinh Doanh Định H2.

*** Bị đơn ông Lê Hoàng A:**

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hoàng A đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Hoàng A đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của bà L có ý kiến:**

Việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa Hộ Kinh Doanh Đ với ông Lê Hoàng A được bà L xác định là không liên quan đến bà L. Đồng thời, tại phiên tòa ông H cũng xin rút yêu cầu đối với bà L. Vì vậy, đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Hoàng Thị L.

*** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Đức:**

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 431, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của H3 kinh doanh Đ, buộc ông Lê Hoàng A phải trả cho H3 kinh doanh Đ Hàng số tiền 78.058.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi và yêu cầu bà Hoàng Thị L cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho H3 Kinh Doanh Định H2.

Về án phí DSST: Đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, H3 kinh doanh Định Hàng yêu cầu ông Lê Hoàng A và bà Hoàng Thị L phải trả số tiền mua phân, thuốc BVTV còn thiếu nên đây được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; bị đơn ông Lê Hoàng A và bà Hoàng Thị L có nơi cư trú tại khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Lê Hoàng A và bà Hoàng Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, HĐXX nhận định vụ án như sau: Vào năm 2022 Hộ Kinh Doanh Định H2 có bán thiếu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) cho ông Lê Hoàng A nhiều lần với tổng số tiền 78.058.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận bán thiếu 04 tháng đầu không tính lãi, sau tháng thứ 4 nếu không trả được tiền gốc thì sẽ tính lãi. Sau khi kết nợ, đến ngày 5/10/2022 ông Hoàng A làm giấy nhận nợ, cam kết sẽ trả số tiền 78.058.000

đồng vào ngày 30/10/2022 cho ông **H** nhưng không thực hiện nên phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng phía Hộ Kinh Doanh **Định H2** có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là giấy nhận nợ đề ngày 05/10/2022, thể hiện ông **Lê Hoàng A** có nhận số phân bón, thuốc BVTV của Hộ Kinh Doanh **Định H2** giao và còn nợ tổng số tiền 78.058.000 đồng; ông **Hoàng A** xác nhận và cam kết trả nợ vào ngày 30/10/2022 nhưng không thực hiện, giấy nhận nợ trên có chữ ký, chữ viết ghi họ tên “**Lê Hoàng A**” bên nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông **Lê Hoàng A** vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **Hoàng A** đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo xác nhận của anh **Đỗ Minh P** là người trực tiếp giới thiệu ông **Hoàng A** đến mua thiếu phân bón của Hộ Kinh Doanh **Định H2** và cũng là người chứng kiến **Hoàng A** ký vào giấy nhận nợ với ông **H** khẳng định ông **Lê Hoàng A** còn thiếu tiền phân bón của **H3** Kinh Doanh **Đ** Hằng số tiền 78.058.000 đồng và chữ ký, chữ viết tên “**Lê Hoàng A**” bên nợ đúng là do ông **Lê Hoàng A** ký và viết ra và số tiền nợ 78.058.000 đồng này **Hoàng A** vẫn chưa trả cho **H3** Kinh Doanh **Định H2**.

Hơn nữa, tại biên bản ghi lời khai ngày 06/6/2024 bà **Hoàng Thị L** cũng xác định chữ ký, chữ viết tên “**Lê Hoàng A**” bên nợ trên giấy nhận nợ đề ngày 05/10/2022 do ông **H** cung cấp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ viết của ông **Lê Hoàng A**.

Từ đó, có đủ căn cứ xác định ông **Lê Hoàng A** có nợ Hộ Kinh Doanh **Đ** Hằng số tiền mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu với tổng số tiền 78.058.000 đồng và đến nay vẫn chưa trả. Do đó, căn cứ vào các Điều 430, 431 và 440 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Lê Hoàng A** phải trả cho **H3** Kinh Doanh **Đ** Hằng số tiền gốc 78.058.000 đồng.

[4] Đối với bà **Hoàng Thị L** và yêu cầu tính lãi: Tại phiên toà, ông **H** rút yêu cầu tính lãi và không yêu cầu bà **L** chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho **H3** Kinh Doanh **Định H2**. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà **Hoàng Thị L** và không yêu cầu tính lãi đối với ông **Lê Hoàng A** là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, HĐXX đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với bà **Hoàng Thị L** và yêu cầu tính lãi đối với ông **Lê Hoàng A**.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Lê Hoàng A phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho H3 Kinh Doanh Định H2.

Hộ Kinh Doanh Định H2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 431, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ Kinh Doanh Định H2.

Buộc ông Lê Hoàng A phải trả cho H3 Kinh Doanh Đ Hằng số tiền 78.058.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Hộ Kinh Doanh Định H2 có đơn yêu cầu thi hành án phía ông Lê Hoàng A còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà Hoàng Thị L và yêu cầu tính lãi đối với ông Lê Hoàng A.

3/ Về án phí DSST: Buộc ông Lê Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.903.000 đồng (*Ba triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho **H3** Kinh Doanh **D** Hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.951.000đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000990 ngày 23/04/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết đúng theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *THA huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp

